

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2019/DS-PT

Ngày 24-01-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ;

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hương;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn L. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Mã Văn C. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vy Thị T; vắng mặt.

2. Chị Mã Thị T1; vắng mặt.

3. Anh Mã Văn T2; vắng mặt.

4. Anh Mã Văn T3; vắng mặt.

5. Bà Nông Thị P; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị P là ông Phùng Văn L, địa chỉ cư trú: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019).

6. Chị Phùng Thị T4. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Chị Phùng Thị C1. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn C2, địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Phùng Văn T5, địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Mã Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Phùng Văn L và gia đình ông Mã Văn C tranh chấp với nhau diện tích 8.848m² đất đồi rừng tại khu đồi To Hảo, thuộc thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nằm trong thửa đất số 679, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp xã M, huyện Lộc Bình. Trên đất có 12 cây thông, 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng.

Ông Phùng Văn L cho rằng diện tích đất trên do bố mẹ ông để lại từ năm 1990, ông vẫn quản lý và sử dụng không tranh chấp với ai, năm 1997 ông vào khu đồi này lấy gỗ về làm nhà, năm 2008 ông kê khai, đến ngày 15/6/2011 ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 617619 cho gia đình của ông. Nay ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và số cây trên đất. Đối với yêu cầu bồi thường số cây thông con mà bà Vy Thị T đã nhổ thông 250 cây x 16.000 đồng/cây = 4.000.000 đồng tại phiên tòa sơ thẩm ông Phùng Văn L đã rút yêu cầu khởi kiện này.

Ông Mã Văn C trình bày: Năm 1998 ông có mua diện tích đất ruộng với ông Phùng Văn L1 tại chân đồi To Hảo, thuộc thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với giá là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Việc mua bán chỉ làm giấy tờ viết tay, không làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Hiện nay ông Phùng Văn L1 cư trú tại địa chỉ nào thì ông cũng không rõ, chỉ biết rằng ông Phùng Văn L1 đã chuyển vào miền nam sinh sống. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L ông Mã Văn C không chấp nhận vì ông cho rằng ông mua ruộng nên ông phải được quyền quản lý đất tại khu đồi này.

Ông Mã Văn C yêu cầu được quyền quản lý và sử dụng 8.848m² đất, 12 cây thông, 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng trên đất tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2018 thì diện tích đất tranh chấp có địa danh là đồi To Hào, thuộc thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất tranh chấp là 8.848m² nằm trọn ở trong thửa đất số 679, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp xã M, huyện Lộc Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 617619, số vào sổ cấp GCN CH00850 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15/6/2011.

Tại Công văn số 1185/UBND-TNMT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 617619 ngày 15/6/2011 cho hộ ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P đối với thửa đất số 679 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy và diện tích đất đang tranh chấp trên không nằm trong quy hoạch và các dự án của huyện, phù hợp với mục đích sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 164, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điều 3, 4, 26, 97, 98, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L về việc yêu cầu bà Vy Thị T bồi thường 250 cây thông con mà bà Vy Thị T đã nhổ trên diện tích tranh chấp có giá trị 250 cây x 16.000 đồng/ cây = 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Hộ ông Phùng Văn L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 8.848m² đất và tài sản trên đất gồm: 12 cây thông con đường kính gốc dưới 05 cm, 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng trên đất tranh chấp thuộc thửa đất số 679 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 617619 ngày 15/6/2011. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 11,18 m; Phía Đông Nam giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 185,51m; Phía Tây Nam giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có

chiều dài 87,05 m; Phía Tây Bắc giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 181,96 m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/11/2018, ông Mã Văn C kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 8.848m² thuộc thửa đất số 679 bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M thuộc địa danh khu đồi To Hảo, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu được quản lý, sử dụng, định đoạt cây trên đất theo như biên bản xem xét thẩm định ngày 24/9/2018, tài sản gồm có: 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng, 12 cây thông con do ông Phùng Văn L trồng, ông Mã Văn C sẽ trả cho ông L tiền cây giống và tiền công trồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Mã Văn C giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 8.848m² thuộc thửa đất số 679 bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M thuộc địa danh khu đồi To Hảo, thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và cây trồng trên đất.

Ông Phùng Văn L đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Mã Văn C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: - Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông Phùng Văn L cho rằng: Đất do bố mẹ để lại từ năm 1990, từ đó đến nay ông vẫn quản lý và sử dụng không tranh chấp với ai, năm 1997 ông vào khu đồi này lấy gỗ về làm nhà, năm 2008 ông kê khai đến năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình của ông.

Ông Mã Văn C cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc trước đây là ông mua của ông Phùng Văn L1, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Mã Văn C không cung cấp được địa chỉ của ông Phùng Văn L1 do vậy Tòa án không thể triệu tập để lấy lời khai và làm rõ nội dung trên, căn cứ Khế ước bán ruộng được lập ngày 24/2/1998 (âm lịch) giữa ông Mã Văn C và Phùng Văn L1, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Phùng Văn L1 có bán cho ông Mã Văn C diện tích ruộng 1 sào 8 thước, xứ đồng có tên là Nà Tú Hào với giá là 1.400.000 đồng, người làm chứng là ông Hoàng Văn C2 cũng khẳng định như vậy tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2018. Như vậy việc ông Mã Văn C trình bày diện tích đất tranh chấp ông mua của ông Phùng Văn L1 là không có cơ sở, do vậy yêu cầu của ông Mã Văn C về việc quản lý 8.848 m² và 12 cây thông, 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng trên đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

- Quá trình quản lý, sử dụng:

Ông L cho rằng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến năm 2017 thì mới trồng cây thông con.

Ông C thì không quản lý, sử dụng, chưa bao giờ đến trồng cây trên đất mà chỉ được hái củi.

- Về cây trên đất tranh chấp:

Cả ông C và ông L cho rằng: 12 cây thông con là do ông trồng, còn cây trám và cây sau sau là mọc tự nhiên, không ai trồng.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 617619 ngày 15/6/2011 cho hộ ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P đối với thửa đất số 679 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng theo các quy định của pháp luật.

Như vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C về yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 8.848m² đất tranh chấp và cây trên đất như đã phân tích ở trên.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 10/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, thấy rằng:

[2] Xét kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 8.848m² thuộc thửa đất số 679 bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M thuộc địa danh khu đồi To Hảo, thôn C, xã M, huyện L của ông Mã Văn C thấy rằng: Việc ông Mã Văn C cho rằng năm 1998 ông có mua diện tích đất ruộng với ông Phùng Văn L1 tại chân đồi To Hảo, thuộc thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với giá là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tại văn khế bán ruộng ngày 24/02/1998 (âm lịch) ông Phùng Văn L1 có bán cho ông Mã Văn C diện tích ruộng 1 sào 8 thước, xứ đồng có tên là Nà Tú Hào. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2018, thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa ông Phùng Văn L và ông Mã Văn C là 8.848m² đồi rừng tại khu đồi To Hảo, thuộc thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nằm trọn vẹn trong thửa đất số 679, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất Lâm Nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P. Hộ ông Phùng Văn L đã quản lý sử dụng ổn định, đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp, nguyên nhân là khi gia đình ông L trồng thông, thì gia đình ông C tranh chấp cho là đã

mua ruộng ở dưới chân đồi nên diện tích đất trên hộ ông C có quyền quản lý; căn cứ của ông Mã Văn C đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại Công văn số 1185/UBND-TNMT ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục quy định; diện tích đất tranh chấp không nằm trong quy hoạch của huyện, phù hợp với mục đích sử dụng đất.

[4] Từ những phân tích, nhận định như trên thấy rằng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Mã Văn C.

[5] Đối với yêu cầu quản lý, sử dụng 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng, 12 cây thông con trồng trên đất tranh chấp: Do yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp không được chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu quản lý, sử dụng cây trên đất của ông Mã Văn C đưa ra.

[6] Từ những phân tích trên thấy rằng Bản án sơ thẩm xử cho ông Phùng Văn L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 8.848m² và tài sản trên đất là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Mã Văn C.

[7] Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Mã Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về chi phí tố tụng) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2017 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mã Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, cụ thể:

Căn cứ các Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 164, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, 4, 26, 97, 98, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L về việc yêu cầu bà Vy Thị T bồi thường 250 cây thông con mà bà Vy Thị T đã nhổ trên diện tích tranh chấp có giá trị 250 cây x 16.000 đồng/ cây = 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Hộ ông Phùng Văn L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 8.848m² đất và tài sản trên đất gồm: 12 cây thông con đường kính gốc dưới 05 cm, 01 cây sau sau, 01 cây trám trắng trên đất tranh chấp thuộc thửa đất số 679 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phùng Văn L và bà Nông Thị P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 617619 ngày 15/6/2011. Có các mặt tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 11,18 m;

Phía Đông Nam giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 185,51 m;

Phía Tây Nam giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 87,05 m;

Phía Tây Bắc giáp với phần đất thuộc thửa số 679 do ông Phùng Văn L đang quản lý, sử dụng và canh tác có chiều dài 181,96 m.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án)

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản.

Ông Mã Văn C phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, ông Phùng Văn L là nguyên đơn trong vụ án đã tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án, do vậy ông Mã Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phùng Văn L với số tiền là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Mã Văn C chưa thanh toán được số tiền trên mà ông Phùng Văn L có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Mã Văn C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm. Ông Mã Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mã Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Mã Văn C đã nộp tại biên lai số AA/2012/05502 ngày 30/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Lộc Bình, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người ĐDHP của các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; TDS; KTNV và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ